

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN XƯƠNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27-9-2021

V/v Ly hôn giữa chị N - anh T

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Hoàn;

2. Bà Đoàn Thị Duyên.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa:*
Bà Phạm Thị Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2021/QĐXX-ST ngày 09 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Nhuận, sinh năm 1979.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1979

Đều có địa chỉ tại: thôn P, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình.

(Chị Nhuận, anh Thức đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Nhuận trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đình T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn X, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) vào ngày 25/10/2004. Khi đó cả hai anh chị đều công tác ở cùng đơn vị. Đến năm 2009, chị chuyển công tác về Ban chỉ huy quân sự huyện T, tỉnh Thái Bình. Năm 2011, anh T chuyển công tác về Ban chỉ huy quân sự huyện K, tỉnh Thái Bình. Anh chị cùng chung sống tại thôn P, xã B,

huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng vui vẻ, hòa thuận nhưng khoảng năm 2012 thì giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chị xác định do vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc nhau và mâu thuẫn về kinh tế dẫn đến bất đồng quan điểm của vợ chồng. Kể từ tháng 01/2020 đến nay, anh chị sống ly thân. Đến nay xác định vợ chồng không thể chung sống được nữa vì không còn tình cảm, chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị ly hôn.

Anh T trình bày chị nợ nần, đơn vị chị phải về địa phương xác minh là không chính xác. Khi đó, do đơn vị thấy quan hệ vợ chồng anh chị có mâu thuẫn trực trặc nên về gia đình đề động viên, hòa giải hai bên. Anh T cũng trình bày nhiều lần khuyên răn nhưng thực tế không phải như vậy. Khi gia đình có sự việc xảy ra, anh T mặc kệ không quan tâm.

Về con chung: vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Cẩm L, sinh ngày 13/11/2005 và Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 22/5/2009. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung sau khi ly hôn, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/con/tháng.

Về tài sản: Vợ chồng chị tự thỏa thuận về tài sản, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Đình T bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh nhất trí với trình bày của chị N về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn và sau khi kết hôn. Khoảng từ năm 2017 thì giữa anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn anh xác định do chị N vay nợ mà không bàn bạc với anh, nợ nần nhiều nên đơn vị chị N công tác phải về tận địa phương để xác minh. Anh đã nhiều lần khuyên răn nhưng chị N vẫn không thay đổi được. Nay anh xác định vợ chồng anh bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên nhất trí ly hôn với chị N.

Về con chung: vợ chồng anh 02 con chung là Nguyễn Thị Cẩm L, sinh ngày 13/11/2005 và Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 22/5/2009. Anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu chị N cấp dưỡng. Trường hợp không được nuôi dưỡng cả hai con chung, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Ngọc V sau khi ly hôn, để chị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Cẩm L.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh tự thỏa thuận tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh tại UBND xã B, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình có nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị N và anh Nguyễn Đình T đã kết hôn với nhau vào năm 2004. Do anh T chị N đều là quân nhân nên không thường sinh sống tại địa phương. Đến khoảng năm 2011, anh T về công tác tại Ban chỉ huy quân sự huyện K nên anh chị xây dựng nhà ở và sinh sống tại thôn P, xã B, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Về mâu thuẫn giữa anh chị theo địa phương được biết liên quan đến vấn đề kinh tế, hiện nay mâu thuẫn ở mức trầm trọng, anh chị đã sống ly thân.

Về con chung: Chị N, anh T có 02 con chung là Nguyễn Thị Cẩm L, sinh ngày 13/11/2005 và Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 22/5/2009. Hiện nay hai cháu đang sống cùng bố mẹ tại thôn P, xã B.

Về tài sản: Anh T, chị N có tài sản chung là quyền sử dụng đất và nhà ở tại thôn P, xã B.

Về vay nợ chung của anh chị, địa phương không nhận được phản ánh nào của công dân liên quan đến việc vay nợ của chị N anh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 55, 58, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội đề nghị:

- Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn cho chị Trần Thị N và anh Nguyễn Đình T.

- Về con chung: Giao con Nguyễn Cẩm L cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Nguyễn Ngọc V cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau, hai bên có quyền thăm và chăm sóc con chung và có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con sau ly hôn.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị giải quyết.

- Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị N khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Đình T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn P, xã B, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều

35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị N và anh T đã tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 25/10/2004 tại ủy ban nhân dân thị trấn X, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội), là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa anh chị có xảy ra mâu thuẫn. Ý kiến của chị N và anh T về mâu thuẫn của vợ chồng không tương đồng về thời gian, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn nhưng cả hai bên đều thừa nhận giữa vợ chồng anh chị có mâu thuẫn nghiêm trọng. Từ khoảng đầu năm 2020 đến nay anh chị sống ly thân. Như vậy có căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên hòa giải và phiên tòa chị N xin ly hôn, anh T đồng ý thuận tình ly hôn giữa chị Nhuận và anh Thức.

[3] Về nuôi con chung: Chị N và anh T có 02 con chung là Nguyễn Cẩm L, sinh ngày 13/11/2005 và Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 22/5/2009. Hiện nay cháu Ly đang học tại trường Trung học phổ thông Nguyễn Du, còn cháu V đang theo học tại trường Trung học cơ sở xã B. Cả anh T và chị N đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung sau khi ly hôn. Trường hợp không thể nuôi dưỡng cả hai con chung, anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc V. Về nguyện vọng của các con chung, hai cháu đều đề nghị được sống cùng mẹ sau khi chị N anh T ly hôn. Qua đánh giá nguyện vọng của các bên đương sự, nguyện vọng của các con chung và điều kiện của các bên: chị N và anh T đều là quân nhân chuyên nghiệp, có công việc và thu nhập ổn định, có đầy đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ của cha mẹ. Do vậy, chị N và anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung sau khi ly hôn là chính đáng, cần được tôn trọng. Anh T sinh sống tại nhà riêng ở thôn P, xã B. Chị N cung cấp sẽ sinh sống tại nhà thuê ở thôn T, xã A, huyện Tiền Hải. Đánh giá về vị trí, khoảng cách giữa nơi cư trú và trường học của các con chung thì nhận thấy cháu V tiếp tục sinh sống cùng bố tại xã B, cháu L sinh sống cùng mẹ tại xã An, huyện T là phù hợp, đảm bảo được sự ổn định của các con chung, hạn chế đến mức thấp nhất các ảnh hưởng đến tâm, sinh lý của các cháu có thể gặp phải do thay đổi môi trường. Mặt khác, mẹ chăm sóc con gái, bố chăm sóc con trai để anh chị có thể thấu hiểu hơn về tâm, sinh lý của các cháu. Để đảm bảo lợi ích tốt nhất cho con chung, cần giao cháu Nguyễn

Cầm L cho chị N nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Ngọc V cho anh T nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng, do điều kiện kinh tế thu nhập của anh T chị N tương đương và mỗi người nuôi một con chung nên hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[5] Về tài sản chung: Chị N và anh T đều xác định tự thỏa thuận về tài sản, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Chị N, anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị N và anh T được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 55, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 21, khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271, 272, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Nguyễn Đình T.

2. Về nuôi con chung: Giao con Nguyễn Cầm L, sinh ngày 13/11/2005 cho chị Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 22/5/2009 cho anh Nguyễn Đình T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra giải quyết khi chị N, anh T có yêu cầu. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng chị đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001427 ngày 02/7/2021 sang thi hành án phí. Trả lại chị N 225.000 đồng. Anh Nguyễn Đình Thức phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị N, anh T có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Chi cục THADS huyện Kiến Xương;
- UBND thị trấn Xuân Mai;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phan Anh Tuấn